TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 3365/2024/DS-ST
Ngày: 25/7/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Bùi Thị Phụng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1222/2023/TLST-DS ngày 03/10/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3940/2024/QĐXXST-DS ngày 07/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 4733/2024/QĐST-DS ngày 28/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH MTV MA (VN)
Trụ sở: số 91 đường P, phường BN, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phạm Thành N, sinh năm: 2000.
Địa chỉ: Tòa nhà số 793/49/1 (Phòng 401, Tầng 4) đường T, phường TH, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến E, sinh năm 1989
Địa chỉ: số nhà 70 Đường A, Khu phố Z, phường TP, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông E vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 7 năm 2023 của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Phạm Thành N:

Ngày 26/8/2020, Công ty Tài chính TNHH MTV MA (VN) (gọi tắt là Công ty) ký hợp đồng tín dụng số 1581568 với nội dung Công ty đồng ý cho ông Nguyễn Tiến E vay số tiền 52.750.000 đồng (trong đó gồm 50.000.000 đồng tiền vay và 2.750.000 đồng phí bảo hiểm) theo đề nghị vay vốn ngày 19/8/2020 của ông E với mục đích vay tiêu dùng, mức lãi suất cố định 39%/năm, thời hạn vay 36 tháng, phương thức thanh toán trả góp vào ngày 01 hàng tháng, thời gian thanh toán từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/9/2023; 35 tháng đầu mỗi tháng thanh toán 2.519.118 đồng, ngày 01/9/2023 hết thời hạn vay, ông E thanh toán số tiền còn lại 3.219.314 đồng. Thực hiện hợp đồng, Công ty đã giải ngân đủ số tiền vay vào tài khoản của ông E. Sau khi nhận tiền, ông E thực hiện việc thanh toán đúng thoả thuận được 24 tháng, với tổng số tiền gốc, lãi đã thanh toán được là 61.212.564 đồng.

Từ ngày 29/9/2022 đến nay ông E không thanh toán khoản tiền còn lại cho Công ty. Do ông E đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty thu hồi toàn bộ khoản vay trước hạn, yêu cầu ông E phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 30/6/2023 là 34.508.455 đồng, trong đó tiền nợ gốc 25.064.520 đồng và nợ lãi 9.443.935 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Tiến E, đồng thời triệu tập ông E đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông E vắng mặt.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông E phải thanh toán số tiền 50.916.076 đồng, trong đó dư nợ gốc 25.064.520 đồng và tiền lãi trong hạn 5.721.092, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 25/7/2024 là 19.276.394 đồng, tiền lãi chậm trả (tính trên số lãi chậm trả) là 854.070 đồng. Bị đơn ông Nguyễn Tiến E đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Toà án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ 50.916.076 đồng (gồm tiền nợ gốc 25.064.520 đồng và tiền lãi 25.851.556 đồng) theo thỏa thuận tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố TĐ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Phía đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời khai của phía nguyên đơn phù hợp với Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1581568 ngày 26/8/2020 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 19/8/2020 bị đơn có đề nghị được vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi xem xét nguyện vọng, điều kiện của bị đơn, ngày 26/8/2020 nguyên đơn đã phê duyệt đồng ý cho bị đơn vay số tiền 50.000.000 đồng với mức phí bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân bị đơn phải chịu là 5,5% của giá trị tiền vay, tương đương 2.750.000 đồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán số tiền vay. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của phía nguyên đơn, căn cứ đề nghị vay vốn của bị đơn và phần phê duyệt của Công ty, chứng từ thực hiện giao dịch chi hộ (Phiếu báo nợ) số FT20240505867431/BNK của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam cùng bảng lịch sử thanh toán ngày 30/6/2023 do nguyên đơn cung cấp để xác định bị đơn đã nhận số tiền vay 50.000.000 đồng, ngoài ra bị đơn đồng ý mua mức phí bảo hiểm 2.750.000 đồng nên khoản tiền này được cộng vào số tiền gốc. Như vậy, tổng số tiền gốc bị đơn phải thanh toán là 52.750.000 đồng. Sau khi vay vốn bị đơn đã thanh toán được 24 lần với tổng số tiền 61.212.564 đồng trong thời gian từ ngày 01/10/2020 đến ngày 28/9/2022. Số tiền còn lại 50.916.076 đồng (gồm tiền nợ gốc 25.064.520 đồng và nợ lãi 25.851.556 đồng) bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn và đã vi phạm thời hạn thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trên nợ gốc quá hạn và tiền lãi chậm trả là phù hợp theo thỏa thuận của hai bên được quy định cụ thể tại Điều 5 Điều khoản điều kiện

cho vay kèm theo hợp đồng tín dụng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 40, 277, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH MTV MA (VN) về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Nguyễn Tiến E;

Ông Nguyễn Tiến E có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH MTV MA (VN) số tiền nợ 50.916.076 đồng (năm mươi triệu chín trăm mười sáu nghìn không trăm bảy mươi sáu) đồng (gồm nợ gốc 25.064.520 đồng và tiền lãi 25.851.556 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1581568 ngày 26/8/2020 và Bảng điều khoản và điều kiện cho vay kèm theo hợp đồng (gọi chung là văn kiện tín dụng). Trường hợp trong các văn kiện tín dụng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tiến E phải chịu 2.545.804 (hai triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm lẻ bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Tài chính TNHH MTV MA (VN) được nhận lại 862.711 (tám trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm mười một) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2023/0005241 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Do các đương sự vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh